

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST

Ngày 29/5/2026

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Ba.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Khoa.
2. Bà Nguyễn Thị Diệp Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Thị Mai Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 118/2026/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2026/QĐXX-TA ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Thôn 1A, xã E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Mã Văn T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn 1A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Đắk Tân (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16/3/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (N) và ông Mã Văn T sau một thời gian tìm hiểu thì có nguyện vọng chung sống, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã UBND xã E, huyện EK (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk được cấp giấy

chứng nhận kết hôn ngày 20/02/2019, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán.

Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự tin tưởng và thông cảm cho nhau, ông T không quan tâm, chăm sóc cho gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2023 thì mâu thuẫn gay gắt do ông T nghiện ma túy, bị bắt về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; hiện nay đang đi chấp hành án tại Trại giam Đắk Tân. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với ông Mã Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 01 con chung Mã Đăng K, sinh ngày 07/8/2019. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ghi ngày 09/4/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Mã Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Thừa nhận thời gian chung sống và đăng ký kết hôn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày là đúng, chúng tôi kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính chất công việc bận rộn nên tôi ít có thời gian quan tâm chăm sóc cho gia đình nên xảy ra cãi nhau nhưng là mâu thuẫn bình thường trong gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng từ ngày 10/01/2023, do tôi bị bắt về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay, tôi đang chấp hành án nên vợ chồng không có điều kiện quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tôi không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 01 con chung: Mã Đăng K, sinh ngày 07/8/2019. Tôi đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn. Sau khi tôi chấp hành án xong, quay về địa phương nếu bà N chăm sóc con chung không đảm bảo thì tôi sẽ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa đúng quy định; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Mã Văn T; Về con chung: giao con chung là Mã Đăng K, sinh ngày 07/8/2019 cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thảo luận đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Mã Văn T. Đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là có căn cứ phù hợp khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của các đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Mã Văn T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện EK (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/02/2019 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú cơ bản phù hợp với lời khai của đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ xác định: bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Mã Văn T chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên xảy ra cãi nhau, xích mích trong cuộc sống và ông T nghiện ma túy, bị bắt về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng

trừ trái phép chất ma túy”, hiện nay đang đi chấp hành án nên vợ chồng không có điều kiện quan tâm, chăm sóc cho nhau. Như vậy, xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Theo kết quả xác minh và lời trình bày của đương sự nhận thấy: Hiện nay, ông T đang đi chấp hành án nên không đủ điều kiện chăm sóc con chung. Hơn nữa, sau khi ông T đi chấp hành án con chung Mã Đăng K do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và ổn định cuộc sống. Do đó, đương sự thống nhất giao con chung Mã Đăng K, sinh ngày 07/8/2019 cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Ông Mã Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Trần Thị Thu H nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003095 ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật

hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Tuyên xử bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Mã Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Mã Đăng K, sinh ngày 07/8/2019 cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung K đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ông Mã Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Trần Thị Thu H nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003095 ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã E;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thu Ba

